

Số: 2120/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 31 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính (TTHC) mới ban hành;
TTHC bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương,
UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 7/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 33/TTr-SCT ngày 15/8/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục TTHC mới ban hành; TTHC bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương, UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (Có Danh mục TTHC kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành (các bộ phận tạo thành TTHC được công bố tại Quyết định này có hiệu lực theo ngày văn bản quy phạm pháp luật có nội dung quy định về TTHC hoặc bộ phận tạo thành TTHC có hiệu lực thi hành).

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Công Thương, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh (b/c);
- Cục Kiểm soát TTHC - VP Chính phủ (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, CN, KSTTHC (Đ 25).



CHỦ TỊCH

Phạm Ngọc Nghị

**DANH MỤC TTHC MỚI BAN HÀNH; TTHC BỊ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG, UBND CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK**

(Kèm theo Quyết định số 2120/QĐ-UBND ngày 31/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. DANH MỤC TTHC MỚI BAN HÀNH

A1. THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I. Lĩnh vực Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ					
1	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương, số 49 Nguyễn Tất Thành, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 20/6/2017; - Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ; - Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp.
2	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
3	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ	18 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương, số 49 Nguyễn Tất Thành, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Không	

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
4	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiên chất thuốc nổ	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương, số 49 Nguyễn Tất Thành, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Không	
5	Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương, số 49 Nguyễn Tất Thành, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Phí thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phục vụ: - Thi công, phá dỡ công trình: 4.000.000 đồng; - Tìm kiếm, thăm dò, khai thác trên đất liền: 3.500.000 đồng; - Nghiên cứu, kiểm định, thử nghiệm: 2.000.000 đồng.	- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 20/6 /2017; - Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiên chất thuốc nổ.
6	Cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương, số 49 Nguyễn Tất Thành, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	* Trường hợp cấp lại, điều chỉnh giấy phép nhưng không thay đổi về địa điểm, quy mô, điều kiện hoạt động sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, phí thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phục vụ: - Thi công, phá dỡ công trình: 2.000.000 đồng; - Tìm kiếm, thăm dò, khai thác trên đất liền: 1.750.000 đồng; - Nghiên cứu, kiểm định, thử nghiệm: 1.000.000 đồng.	

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				<p>* Trường hợp cấp lại, điều chỉnh giấy phép có thay đổi về đăng ký kinh doanh, địa điểm, quy mô hoặc điều kiện hoạt động sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, phí thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phục vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thi công, phá dỡ công trình: 4.000.000 đồng; - Tìm kiếm, thăm dò, khai thác trên đất liền: 3.500.000 đồng; - Nghiên cứu, kiểm định, thử nghiệm: 2.000.000 đồng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 20/6 /2017; - Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ.
7	Thu hồi Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương, số 49 Nguyễn Tất Thành, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Không	
II. Lĩnh vực kinh doanh khí					
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương, số 49 Nguyễn Tất Thành, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	<ul style="list-style-type: none"> - Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: Mức thu phí thẩm định là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định; - Tại các khu vực khác: Mức thu phí thẩm định và lệ phí 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
2	Cấp lại Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương, số 49 Nguyễn Tất Thành, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh.	mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.
3	Cấp điều chỉnh Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương, số 49 Nguyễn Tất Thành, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	<ul style="list-style-type: none"> - Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: Mức thu phí thẩm định là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định; - Tại các khu vực khác: Mức thu phí thẩm định và lệ phí bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.
4	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương, số 49 Nguyễn Tất Thành, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	<ul style="list-style-type: none"> - Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: + Đối với doanh nghiệp, tổ chức là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định; + Đối với hộ kinh doanh là 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định; - Tại các khu vực khác: + Đối với doanh nghiệp, tổ chức là 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định; + Đối với hộ kinh doanh là 	

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	
				200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.		
5	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương, số 49 Nguyễn Tất Thành, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Nộp phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá. 	
6	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ				
7	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ				<ul style="list-style-type: none"> - Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: <ul style="list-style-type: none"> + Đối với doanh nghiệp, tổ chức là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định; + Đối với hộ kinh doanh là 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định; - Tại các khu vực khác: <ul style="list-style-type: none"> + Đối với doanh nghiệp, tổ chức là 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định; + Đối với hộ kinh doanh là 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.
8	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ				Nộp phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
9	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Nộp phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	
10	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương, số 49 Nguyễn Tất Thành, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Phí thẩm định: - Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: + Đối với doanh nghiệp, tổ chức là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định; + Đối với hộ kinh doanh là 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định; - Tại các khu vực khác: + Đối với doanh nghiệp, tổ chức là 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định; + Đối với hộ kinh doanh là 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.
11	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương, số 49 Nguyễn Tất Thành, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Nộp phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
12	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương, số 49 Nguyễn Tất Thành, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Nộp phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí
13	Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ		- Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: Mức thu phí thẩm định là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh /lần thẩm định; - Tại các khu vực khác: Mức thu phí thẩm định và lệ phí bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh.	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.
14	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ			
15	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ			
16	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			Phí thẩm định: - Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: + Đối với doanh nghiệp, tổ chức là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định; + Đối với hộ kinh doanh là 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định; - Tại các khu vực khác:

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				+ Đối với doanh nghiệp, tổ chức là 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định; + Đối với hộ kinh doanh là 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	
17	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương, số 49 Nguyễn Tất Thành, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Nộp phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí
18	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
19	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ		- Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: Mức thu phí thẩm định là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định - Tại các khu vực khác: Mức thu phí thẩm định và lệ phí bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh.	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.
20	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ		- Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: Mức thu phí thẩm định là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định	

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	- Tại các khu vực khác: Mức thu phí thẩm định và lệ phí bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh.	
21	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương, số 49 Nguyễn Tất Thành, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: - Mức thu phí thẩm định là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định - Tại các khu vực khác: Mức thu phí thẩm định và lệ phí bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh.	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.
22	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương, số 49 Nguyễn Tất Thành, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Phí thẩm định: - Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: + Đối với doanh nghiệp, tổ chức là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định; + Đối với hộ kinh doanh là 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định; - Tại các khu vực khác: + Đối với doanh nghiệp, tổ chức là 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định; + Đối với hộ kinh doanh là	

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	
23	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương, số 49 Nguyễn Tất Thành, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Nộp phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí
24	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			

A2. THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
Lĩnh vực Kinh doanh Khí					
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND huyện	- Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: Mức thu phí thẩm định là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định; - Tại các khu vực khác: Mức thu phí thẩm định và lệ phí bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh.	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ			
3	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ			

B. DANH MỤC TTHC BÃI BỎ THUỘC THẨM GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG
(được Chủ tịch UBND tỉnh công bố tại Quyết định số 2499/QĐ-UBND ngày 08/9/2017)

STT	Tên TTHC	Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ TTHC
I. Lĩnh vực dầu khí		
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ Điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG	Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí
2	Cấp Giấy chứng nhận đủ Điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG	
3	Cấp Giấy chứng nhận đủ Điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai	
4	Cấp lại trong trường hợp Giấy chứng nhận đủ Điều kiện (tổng đại lý kinh doanh LPG, đại lý kinh doanh LPG, cửa hàng bán LPG chai) bị mất, sai sót hoặc bị hư hỏng	
5	Điều chỉnh trong trường hợp Giấy chứng nhận đủ Điều kiện (tổng đại lý kinh doanh LPG, đại lý kinh doanh LPG, cửa hàng bán LPG chai) thay đổi về đăng ký kinh doanh; thay đổi địa điểm; thay đổi quy mô hoặc Điều kiện hoạt động hoặc thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký	
6	Gia hạn trong trường hợp Giấy chứng nhận đủ Điều kiện (tổng đại lý kinh doanh LPG, đại lý kinh doanh LPG, cửa hàng bán LPG chai) khi hết thời hạn hiệu lực	
7	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai	
8	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai	
9	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai	
10	Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai	
11	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào phương tiện vận tải	
12	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào phương tiện vận tải	
13	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào phương tiện vận tải	
14	Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào phương tiện vận tải	

STT	Tên TTHC	Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ TTHC
II. Lĩnh vực Công nghiệp		
1	Cấp Giấy phép sử dụng Vật liệu nổ công nghiệp	Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ
2	Đăng ký sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	
III. Lĩnh vực hoá chất		
1	Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất	Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất